

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2015/QĐ-UBND

*Kiên Giang, ngày 17 tháng 9 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc quy định lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2015/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về quy định lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 322/TTr-STC ngày 21 tháng 8 năm 2015 về việc quy định lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

### **2. Đối tượng nộp phí**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; chứng nhận đăng ký biến động về đất đai; trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.

### 3. Mức thu

Thực hiện theo Biểu mức thu ban hành kèm theo Quyết định này.

### 4. Cơ quan, đơn vị thu lệ phí

Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang.

### 5. Miễn thu

a) Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.

b) Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

### 6. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

a) Cơ quan thu lệ phí được trích để lại 90% trên tổng số tiền lệ phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí, phần còn lại 10% nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách.

b) Tổ chức, cơ quan hoặc đơn vị được ủy quyền thu lệ phí phải niêm yết và công khai mức thu áp dụng thống nhất tại quầy thu ngân, nơi trực tiếp thu lệ phí.

### 7. Chứng từ thu lệ phí

Do cơ quan thuế phát hành, quản lý.

8. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện Quyết định này đối với đơn vị thu lệ phí địa chính.

Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo thanh tra, kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán lệ phí địa chính theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ: Nội dung thu lệ phí địa chính quy định tại Điều 1, Quyết định số 09/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Danh mục phí - lệ phí trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và tại dấu cộng thứ nhất, thứ tư của các Điểm a, b, c thuộc Khoản 2, Phần II của Biểu mức thu các khoản phí - lệ phí ban hành kèm theo Quyết định số 09/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành mức thu; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Thi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐỊA CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
<b>I</b>	<b>Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố hoặc thị xã thuộc tỉnh</b>		
1	- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.		
a)	+ Cấp mới.	Đồng/giấy	100.000
b)	+ Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận.	Đồng/lần cấp	50.000
2	- Trường hợp giấy chứng nhận cấp cho hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).		
a)	+ Cấp mới.	Đồng/giấy	25.000
b)	+ Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận.	Đồng/lần cấp	20.000
3	- Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai.	Đồng/1 lần	28.000
4	- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.	Đồng/1 lần	15.000
<b>II</b>	<b>Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác</b>	Bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố hoặc thị xã thuộc tỉnh	

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thu</b>
<b>III</b>	<b>Mức thu đối với tổ chức</b>		
1	- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.	Đồng/giấy	500.000
2	- Trường hợp giấy chứng nhận cấp cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).	Đồng/giấy	100.000
3	- Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận.	Đồng/lần cấp	50.000
4	- Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai.	Đồng/1 lần	30.000
5	- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.	Đồng/1 lần	30.000

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Thi**